

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04A/2022/HS - ST
Ngày: 19-01-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Sinh và bà Vũ Thị Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 131/2021/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/QĐXXST - HS ngày 17 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Vũ Thị T, sinh năm 1984 tại phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: khu dân cư NT 1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn T và bà Hoàng Thị P; có chồng Nguyễn Ngọc Th (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Vũ Thị Lan H, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu dân cư NT 1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971; nơi cư trú: Khu dân cư NT 1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Những người tham gia tố tụng khác:

+ Chị Nguyễn Thị PH, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Tân H, xã TB, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh (người làm chứng).

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu dân cư TC, xã ĐL, thành phố C, tỉnh Hải Dương (*người làm chứng*).

Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị T có cửa hàng kinh doanh tại kiốt L1- 03A ở siêu thị Vincom, thuộc khu dân cư Nguyễn Trãi 1, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Khoảng 09 giờ ngày 08-5-2021 khi T đang bán hàng ở Ki ốt thì chị Nguyễn Thị PH, sinh năm 1991 trú tại thôn Tân H, xã Thái Bảo, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đến mua hóa đơn bán hàng mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Chị PH và T thỏa thuận mua 01 hóa đơn chị PH phải trả bằng 5% giá trị tiền ghi trên hóa đơn. T lấy quyển hóa đơn bán hàng của mình viết hóa đơn bán hàng cho chị PH số 0049302 ngày 08/5/2021, quyển số 987 với nội dung người mua hàng Nguyễn Thị PH, địa chỉ Tân Dân- Chí Linh- Hải Dương, tên hàng hóa, dịch vụ quần áo thể thao, đơn vị tính bộ, số lượng 30, đơn giá 500.000/bộ, thành tiền 15.000.000 đồng. Sau khi viết hóa đơn xong T trực tiếp ký và ghi tên mình vào hóa đơn liên 2 rồi đưa hóa đơn bán hàng liên 2 cho chị PH, còn liên 1 và liên 3 T giữ. Chị PH nhận hóa đơn và trả số tiền 900.000 đồng tiền mua hóa đơn cho T, trong đó tiền mua hóa đơn là 750.000 đồng, 150.000 đồng tiền thừa T chưa trả lại cho chị PH. Đến 9 giờ 15 phút cùng ngày anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982, nơi cư trú khu dân cư Thủ Chính, phường Đồng Lạc, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đến mua hóa đơn bán hàng mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo. Anh H và T thỏa thuận mua 01 hóa đơn anh H phải trả bằng 10% giá trị tiền ghi trên hóa đơn, T viết bán cho anh H, hóa đơn bán hàng số 0049303 ngày 08-5-2021, quyển số 987 với nội dung người mua hàng Nguyễn Văn H, địa chỉ Đồng Lạc-Chí Linh- Hải Dương; tên hàng hóa, dịch vụ quần áo; đơn vị tính kiện, số lượng 5, đơn giá 10.000.000 đồng/kiện, thành tiền 50.000.000 đồng. Sau khi viết hóa đơn xong T trực tiếp ký và ghi tên mình vào hóa đơn liên 2 rồi đưa hóa đơn cho anh H, còn liên 1 và liên 3 T giữ. Anh H trả cho T số tiền mua hóa đơn là 5.000.000 đồng thì lực lượng Công an thành phố Chí Linh kiểm tra, phát hiện, thu giữ: 02 hóa đơn bán hàng "liên 2" số 0049302 và số 0049303 đều đề ngày 08-5-2021; 01 tập hóa đơn bán hàng mẫu số 02 GTTT3/001, ký hiệu 08AC/20P, từ số 0049301 đến số 00449350, quyển số 987; số tiền 5.900.000 đồng; 02 tờ giấy than kích thước (20,5x29,5) cm.

Ngoài hành vi trên, thì từ ngày 01-4-2021 đến ngày 21-4-2021, T còn bán 06 hóa đơn bán hàng của hộ kinh doanh Vũ Thị T, cụ thể là:

Sáng ngày 01-4-2021 tại Ki ốt của T, T đã bán cho chị Nguyễn Thị PH hóa đơn bán hàng số 0081879 ngày 01-4-2021, quyển số 1638, đã ghi nội dung mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, có tổng giá trị là 5.000.000 đồng, chị PH phải trả 5% giá trị tiền theo hóa đơn là 250.000 đồng. T đã nhận số tiền 250.000 đồng.

Chiều ngày 01-4-2021 tại Ki ốt của T, T đã bán cho chị Nguyễn Thị PH hóa đơn bán hàng số 0081882 ngày 01-4-2021, quyền số 1638, đã ghi nội dung mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, có tổng giá trị là 5.000.000 đồng, chị PH phải trả 5% giá trị tiền theo hóa đơn là 250.000 đồng. T đã nhận số tiền 250.000 đồng.

Sáng ngày 04-4-2021 tại Ki ốt của T, T đã bán cho chị Nguyễn Thị PH hóa đơn bán hàng số 0081892 ngày 04-4-2021, quyền số 1638, đã ghi nội dung mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, có tổng giá trị là 2.000.000 đồng, chị PH phải trả 5% giá trị tiền theo hóa đơn là 100.000 đồng. T đã nhận số tiền 100.000 đồng.

Chiều ngày 04-4-2021 tại Ki ốt của T, T đã bán cho chị Nguyễn Thị PH hóa đơn bán hàng số 0081894 ngày 04/4/2021, quyền số 1638, đã ghi nội dung mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, có tổng giá trị là 3.000.000 đồng, chị PH phải trả 5% giá trị tiền theo hóa đơn là 150.000 đồng. T đã nhận số tiền 150.000 đồng.

Ngày 15-4-2021 tại Ki ốt của T, T đã bán cho chị Nguyễn Thị PH 02 hóa đơn bán hàng số 0081898 và số 0081899 ngày 15-4-2021 đều trong quyền số 1638, đã ghi nội dung mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, có tổng giá trị 02 hóa đơn là 10.000.000 đồng, chị PH phải trả 5% giá trị tiền theo hóa đơn là 500.000 đồng. T đã nhận số tiền 500.000 đồng.

Ngoài hành vi Vũ Thị T dùng quyền hóa đơn bán hàng của mình, T còn dùng quyền hóa đơn bán hàng của chị Vũ Thị Lan H, sinh năm 1982, nơi cư trú khu dân cư NT 1, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương là chủ hộ kinh doanh, do chị H đi sinh con tại bệnh viện nên chị H gửi T ghi hộ khi hộ kinh doanh của chị H bán hàng. Trong ngày 21-4-2021 T đã viết 04 hóa đơn bán hàng của chị H (Chị H không biết việc T sử dụng hóa đơn của mình để bán hóa đơn), cụ thể là:

Ngày 21-4-2021 tại Ki ốt của T, T đã bán cho anh Nguyễn Văn H 02 hóa đơn bán hàng của chị Vũ Thị Lan H số 0082215, số 0082216 ngày 21-4-2021, quyền số 1645, đã ghi nội dung mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo, với những hóa đơn này T không ghi tên hàng hóa vào trong hóa đơn liên 1, liên 3 sau đó viết qua giấy than vào hóa đơn liên 2 phần tên hàng hóa, dịch vụ. Sau khi ghi xong hóa đơn T ký chữ “H” và ghi chữ “Vũ Thị Lan H” vào phần người bán hàng rồi đưa cho anh H các hóa đơn bán hàng liên 2 số 0082215 và số 0082216, con liên 1, liên 3 T giữ; tổng giá trị 02 hóa đơn T đã bán là 25.000.000 đồng, anh H phải trả 10% giá trị tiền theo hóa đơn là 2.500.000 đồng. T đã nhận số tiền 2.500.000 đồng.

Ngày 21-4-2021 tại Ki ốt của T, T đã bán cho chị Nguyễn Thị PH 02 hóa đơn bán hàng của chị Vũ Thị Lan H số 0082217, số 0082218 ngày 21-4-2021, quyền số 1645 đã ghi nội dung mà không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo với những hóa đơn số 0082217, T không ghi tên hàng hóa, dịch vụ vào hóa đơn liên 1, liên 3 chỉ viết qua giấy than vào hóa đơn liên 2 phần tên hàng hóa, dịch vụ. Sau khi ghi xong hóa đơn T ký chữ “H”, ghi chữ “Vũ Thị Lan H” và đóng hình

dầu hộ kinh doanh Vũ Thị T vào phần người bán hàng, tổng giá trị hóa đơn là 5.000.000 đồng, chị PH phải trả 5% giá trị tiền theo hóa đơn là 250.000 đồng. Hóa đơn số 0082218 T không ghi tên hàng hóa, dịch vụ vào hóa đơn liên 1, liên 3 chỉ viết qua giấy than vào hóa đơn liên 2 phần tên hàng hóa, dịch vụ. Sau khi ghi xong hóa đơn T ký chữ ký của mình và ghi chữ “Vũ Thị T” vào phần người bán hàng, còn liên 1, liên 3 T giữ. Tổng giá trị T bán đơn là 10.000.000 đồng, chị PH phải trả 5% giá trị tiền theo hóa đơn là 500.000 đồng; T đã nhận số tiền của chị PH là 750.000 đồng.

Tổng số tiền bán 10 hóa đơn cho chị PH, anh H mà Vũ Thị T đã nhận được là 4.500.000đ. Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị PH đã tự nguyện giao nộp 10 hóa đơn bán hàng liên 2 mua của T cho cơ quan CSĐT Công an thành phố Chí Linh.

* Kết luận giám định số 4088/C09- P5 ngày 30-6-2021 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an, kết luận:

- Chữ viết trên các mẫu cần giám định ký hiệu A13, A15, A17, A19, A21, A23, A25, A27, A29, A30, A32, A34 so với chữ viết của Vũ Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1- M8 do cùng một người viết ra.

- Chữ viết qua giấy than trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A12, A14, A16, A18, A22, A24, A26, A28, A31, A33, A35 so với chữ viết của Vũ Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 - M8 do cùng một người viết ra

- Chữ ký đứng tên Vũ Thị T dưới mục “Người bán hàng” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6 và từ A10 đến A12 so với chữ ký của Vũ Thị T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M3 đến M10 do cùng một người ký ra.

- Chữ ký “H” dưới mục “ Người bán hàng” trên các mẫu cần giám định ký hiệu A7, A8, A9 so với chữ ký “H” do Vũ Thị T ký ra trên các mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người ký ra.

* Kết luận giám định số 4083/C09- P5 ngày 30-7-2021 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an, kết luận:

- Các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A10 so với mẫu so sánh ký hiệu M1 có cùng các phương pháp in tương ứng.

- Các mẫu cần giám định ký hiệu từ A11 đến A12 so với mẫu so sánh ký hiệu M2 có cùng các phương pháp in tương ứng.

* Kết luận giám định số 4084/C09- P5 ngày 02-7-2021 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận:

- Hình dấu có nội dung “Vũ Thị T Mst 0801263875 Đ/c: Siêu thị Vincom – KDC Nguyễn Trãi 1 P. Sao Đỏ, TP. Chí Linh, HD” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A6, A9, A11, A12 so với hình dấu có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một con dấu đóng ra.

- Hình dấu có nội dung “Hộ kinh doanh Vũ Thị Lan H Mst 0801340865 số nhà 03 – KDC Nguyễn Trãi 1, Phường Sao Đỏ, Thành phố Chí Linh , tỉnh Hải Dương” trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A7 đến A10 so với hình dấu có cùng nội dung trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 do cùng một con dấu đóng ra.

* Kết luận giám định tư pháp ngày 11-11-2021 của Cục thuế tỉnh Hải Dương, kết luận:

- Hành vi của Vũ Thị T bán 12 số hóa đơn (08 mang tên hộ kinh doanh Vũ Thị T và 04 số hóa đơn mang tên của hộ kinh doanh Vũ Thị Lan H) cho Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị PH mà không có hàng hóa dịch vụ kèm theo được xác định là sử dụng bất hợp pháp hóa đơn.

- Hành vi bán 12 số hóa đơn của Vũ Thị T chưa dẫn đến thiệt hại về tiền thuế về Ngân sách nhà nước đối với Hộ kinh doanh Vũ Thị T và hộ kinh doanh Vũ Thị Lan H.

- Đối với người mua (Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị PH) do không có đủ căn cứ về việc sử dụng, kê khai thuế nên các giám định viên chưa có cơ sở xác định hành vi trốn thuế và gây thiệt hại tiền thuế, do đó không thực hiện giám định nội dung này.

Việc thu giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng: Cơ quan cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Chí Linh đã thu giữ: 02 tờ giấy than có kích thước (20,5 x 29,5) cm; 01 hộp dấu, bằng nhựa, màu đỏ - trắng, trên mặt dấu có chữ “Vũ Thị T, MST 0801263875, Đ/c: Siêu thị Vincom - KDC Nguyễn Trãi 1, P. Sao Đỏ, TP. Chí Linh, HD”; 01 hộp dấu, bằng nhựa, màu đỏ - trắng, trên mặt dấu có chữ “Hộ kinh doanh Vũ Thị Lan H, MST: 0801340865, số nhà 03, KDC Nguyễn Trãi 1, Phường Sao Đỏ, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương”, đang được bảo quản tại kho vật chứng Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Chí Linh. Bị cáo Vũ Thị T đã tự nguyện nộp lại số tiền 10.250.000đ do bán các hoá đơn giá trị gia tăng mà có.

Tại bản cáo trạng số 126/CT-VKS-CL ngày 29-11-2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước*”. Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 35 xử phạt bị cáo Vũ Thị T từ 50.000.000đ đến 60.000.000đ sung quỹ nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu cho tiêu hủy 02 tờ giấy than có kích thước (20,5 x 29,5) cm; trả lại cho bị cáo Vũ Thị T 01 hộp dấu, bằng nhựa, màu đỏ - trắng, trên mặt dấu có chữ “Vũ Thị T, MST 0801263875, Đ/c: Siêu thị Vincom - KDC N 1, P. S, TP. C, Hải Dương”; trả lại cho chị Vũ Thị Lan H 01 hộp dấu, bằng nhựa, màu đỏ - trắng, trên mặt dấu có chữ “Hộ kinh doanh Vũ Thị Lan H, MST: 0801340865, số nhà 03, KDC

Nguyễn Trãi 1, Phường Sao Đỏ, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương”; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.400.000đ; đối với 03 quyền hóa đơn đã thu giữ tịch thu lưu hồ sơ các số hóa đơn liên quan đến việc phạm tội, còn lại trả cho bị cáo Vũ Thị T, trả cho chị Vũ Thị Lan H; Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Thị T trình bày lời nói sau cùng đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và ăn năn hối cải đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Trong thời gian từ ngày 01-4-2021 đến ngày 08-5-2021 tại Ki ốt L1- 03A siêu thị Vincom thuộc khu dân cư Nguyễn Trãi 1, phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Vũ Thị T đã viết bán 12 hóa đơn bán hàng, đã ghi nội dung mà không kèm theo hàng hoá, dịch vụ kèm theo của Hộ kinh doanh Vũ Thị T 08 hóa đơn và của Hộ kinh doanh Vũ Thị Lan H 04 hóa đơn, cụ thể: Tại quyền hóa đơn số 1638 T đã bán cho chị Nguyễn Thị PH hóa đơn số 0081879 ngày 01-4-2021 tổng giá trị là 5.000.000đ thu số tiền 250.000đ; số 0081882 ngày 01-4-2021 tổng giá trị là 5.000.000đ thu số tiền 250.000đ; số 0081892 ngày 04-4-2021 tổng giá trị là 2.000.000đ thu số tiền 100.000đ; số 0081894 ngày 04-4-2021 tổng giá trị là 3.000.000đ thu số tiền 150.000đ; số 0081898 và số 0081899 ngày 15-4-2021 tổng giá trị 02 hóa đơn là 10.000.000đ thu số tiền là 500.000đ. Tại quyền số 1645 T đã bán 04 hóa đơn của hộ kinh doanh Vũ Thị Lan H cho anh H 02 hóa đơn số 0082215, số 0082216 ngày 21-4-2021 tổng giá trị là 25.000.000đ thu số tiền 2.500.000đ; bán cho chị PH 02 hóa đơn số 0082217, số 0082218 ngày 21-4-2021 tổng giá trị là 15.000.000đ thu số tiền là 750.000đ. Tại quyền số 987 T bán hóa đơn của mình cho chị PH hóa đơn số 0049302 ngày 08-5-2021 tổng giá trị là 15.000.000đ thu số tiền là 750.000 đồng và bán cho anh Nguyễn Văn H hóa đơn số số 0049303 ngày 08-5-2021 tổng giá trị là 50.000.000đ thu số tiền là

5.000.000đ. Tổng số tiền bị cáo Vũ Thị T thu được từ việc bán 12 hoá đơn bán hàng cho chị PH, anh H thu được số tiền là 10.250.000đ.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế trong việc quản lý hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm và vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội *“Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”* theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự. Do đó việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo là người có nhân thân tốt phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện nộp lại số tiền do phạm tội mà có nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cân nhắc tính chất phạm tội, nhân thân các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù bắt bị cáo Vũ Thị T cách ly xã hội mà áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 32 Bộ luật hình sự.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 10.400.000đ do cơ quan điều tra thu giữ trong đó có 150.000đ là của chị Nguyễn Thị PH trả thừa bị cáo, chị PH tự nguyện sung quỹ Nhà nước nên xét sự tự nguyện phù hợp quy định pháp luật tịch thu sung quỹ Nhà nước, còn đối với số tiền 10.250.000đ đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; đối với 02 tờ giấy than có kích thước (20,5 x 29,5) cm dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 hộp dấu, bằng nhựa, màu đỏ - trắng, trên mặt dấu có chữ “Vũ Thị T, MST: 0801263875, Đ/c: Siêu thị Vincom - KDC Nguyễn Trãi 1, P. Sao Đỏ, TP. Chí Linh, HD” và 01 hộp dấu, bằng nhựa, màu đỏ - trắng, trên mặt dấu có chữ “Hộ kinh doanh Vũ Thị Lan H”, MST: 0801340865, số nhà 03, KDC Nguyễn Trãi 1, Phường Sao Đỏ, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương bị cáo dùng vào việc phạm tội nhưng dấu được cấp cho doanh nghiệp hoạt động do vậy thì cần trả lại cho các hộ kinh doanh; đối với 03 quyển hóa đơn do cơ quan điều tra thu giữ, hóa đơn được cấp hợp pháp cho doanh nghiệp hoạt động do vậy cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án liên 1 và liên 3 các số hóa đơn dùng vào việc phạm tội, các số hóa đơn còn lại trả lại cho bị cáo Vũ Thị T và cho chị Vũ Thị Lan H cụ thể: Tại quyển hóa đơn số 1638 các hóa đơn số 0081879 ngày 01-4-2021, số 0081882 ngày 01-4-2021, số 0081892 ngày 04-4-2021, số 0081894 ngày 04-4-2021, số 0081898 và số 0081899 ngày 15-4-2021;

tại quyển số 1645 các hóa đơn số 0082215, số 0082216 ngày 21-4-2021, số 0082217, số 0082218 ngày 21-4-202; tại quyển số 987 hóa đơn số 0049302 ngày 08-5-2021, số 0049303 ngày 08-5-2021 theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[7] Các vấn đề khác:

- Đối với hành vi mua các hóa đơn giá trị gia tăng mà không có hàng hóa dịch vụ kèm theo của anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị PH đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Chí Linh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định nên không xét.

- Đối với việc chị Vũ Thị Lan H gửi quyển hóa đơn của hộ kinh doanh Vũ Thị Lan H cho bị cáo, bị cáo sử dụng bán cho anh H, chị PH, chị Vũ Thị Lan H không biết do thời điểm này chị H nghỉ chế độ thai sản không đi bán hàng nên không xem xét.

[8] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 203, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 35, điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, điểm a khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội *“Mua bán trái phép hoá đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước”*.

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T số tiền 60.000.000đ (*sáu mươi triệu đồng chẵn*) nộp ngân sách nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, tiêu hủy 02 tờ giấy than có kích thước 20,5 x 29,5 cm; trả lại cho bị cáo Vũ Thị T 01 hộp dấu, bằng nhựa, màu đỏ - trắng, trên mặt dấu có chữ “Vũ Thị T, MST: 0801263875, Đ/c: Siêu thị Vincom - KDC Nguyễn Trãi 1, P. Sao Đỏ, TP. Chí Linh, HD”; trả cho chị Vũ Thị Lan H 01 hộp dấu, bằng nhựa, màu đỏ - trắng, trên mặt dấu có chữ “Hộ kinh doanh Vũ Thị Lan H”, MST: 0801340865, số nhà 03, KDC Nguyễn Trãi 1, Phường Sao Đỏ, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương; tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 10.400.000đ (*tình trạng vật chứng được mô tả chi tiết trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30-11-2020 giữa Công an thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương*); tịch thu lưu hồ sơ

vụ án liên 1 và liên 3 các số hóa đơn gồm: tại quyền hóa đơn số 1638 các hóa đơn số 0081879 ngày 01-4-2021, số 0081882 ngày 01-4-2021, số 0081892 ngày 04-4-2021, số 0081894 ngày 04-4-2021, số 0081898 và số 0081899 ngày 15-4-2021; tại quyền số 1645 các hóa đơn số 0082215, số 0082216 ngày 21-4-2021, số 0082217, số 0082218 ngày 21-4-202; tại quyền số 987 hóa đơn số 0049302 ngày 08-5-2021, số 0049303 ngày 08-5-2021; trả cho bị cáo Vũ Thị T quyền hóa đơn số 1638 và 987, trả cho chị Vũ Thị Lan H quyền hóa đơn số 1645 còn lại cùng các hóa đơn.

Về án phí: Buộc bị cáo Vũ Thị T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT TP. Chí Linh;
- Bộ phận nghiệp vụ công an TP. Chí Linh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THA dân sự TP. Chí Linh.
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hằng